

CỤC THUẾ
Department of Taxation
THUẾ TỈNH, THÀNH PHỐ
CHI CỤC THUẾ ...

..... Tax Office/Taxation Sub-Department

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (No.):

....., ngày (day) tháng (month) năm (year)

GIẤY XÁC NHẬN THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM

Certificate of Income Tax Paid in Viet Nam

(Sử dụng cho thuế thu nhập cá nhân hoặc thu nhập doanh nghiệp)

To be used for Personal Income Tax or Business Income Tax

I. NGƯỜI NỘP THUẾ:
TAXPAYER

Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

☐ Áp dụng cho tổ chức

☐ Áp dụng cho cá nhân

Tick off (x) in the relevant box: ☐ **for Entity** ☐ **for Individual**

1.	Tên đầy đủ Full name..... Giấy phép thành lập ☐ Định danh cá nhân ☐ Hộ chiếu ☐ Incorporation license Personal Identification Passport Số/No.: Ngày cấp:/...../..... tại Cơ quan cấp..... Date of issue: dd/mm/yy in Issuing agency
2.	Tên sử dụng trong giao dịch..... Name used in transaction
3.	Tư cách pháp lý (Legal status) Pháp nhân ☐ Cá nhân hành nghề phụ thuộc ☐ Legal Entity Individual practicing dependent service Liên danh không tạo pháp nhân ☐ Cá nhân hành nghề độc lập ☐ Partnership not forming legal entity Individual practicing independent service Khác ☐ Nêu rõ:..... Other Specify
4.	Đối tượng cư trú của nước Resident of Việt Nam ☐ Nước ký kết ☐ Nước khác ☐ Viet Nam Contracting State Other
5.	Giấy phép kinh doanh tại Việt Nam số (nếu có): Number of business license in Viet Nam (if any) Ngày cấp:/...../..... tại Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency

6.	Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có)..... <i>Tax Identification Number in Viet Nam (if any).....</i>
7.	Địa chỉ tại Việt Nam <i>Address in Viet Nam.....</i> Số điện thoại/Tel:.....Số Fax/Fax:.....E-mail: Địa chỉ trên là: <i>This address is:</i> Trụ sở chính ☐ Nơi làm việc ☐ <i>Headquarters Office</i> Văn phòng ĐD ☐ Nơi lưu trú ☐ <i>Representative Office Domicile</i> Cơ sở thường trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:..... <i>Permanent Establishment Other Specify</i>
8.	Địa chỉ tại nước liên quan (Nước kí kết hoặc nước khác theo thông tin tại điểm I.4): <i>Address in relevant State (Contracting State or other in conformity with information in I.4 section).....</i> Số điện thoại/Tel:.....Số Fax/Fax:.....E-mail: Địa chỉ trên là: <i>This address is:</i> Trụ sở chính ☐ Nơi làm việc ☐ <i>Headquarters Office</i> Văn phòng ĐD ☐ Nơi lưu trú ☐ <i>Representative Office Domicile</i> Cơ sở thường trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:..... <i>Permanent Establishment Other Specify</i>

II. XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP

Certifying tax paid

1. Kỳ tính thuế

Taxable period

từ ngày...../...../.....đến...../...../.....

From dd/mm/yy

to dd/mm/yy

2. Thuế đã nộp

Tax paid

Loại thu nhập <i>Type of Income</i>	Số thu nhập chịu thuế <i>Taxable income</i>	Số thuế phải nộp <i>Tax payable</i>			Số thuế đã nộp* <i>Tax paid</i>	Ngày nộp <i>Due date</i>
		Số thuế phải nộp <i>Total of tax payable</i>	Số thuế thực phải nộp <i>Actual tax due</i>	Số thuế được miễn giảm <i>Exempted or reduced amount of tax</i>		
Tổng cộng						

* *Tổng số thuế đã nộp bằng chữ (Total tax paid in words):*

Thuế tỉnh, thành phốxác nhận đã thu (và/hoặc miễn, giảm) số thuế thu nhập của người nộp thuế nêu trên.

It is hereby certified that the Tax Office has received (and/or granted the exemption, the reduction of) the mentioned income tax amount from (to) the above taxpayer.

TRƯỞNG THUẾ TỈNH, THÀNH PHỐ

Manager of Tax Office

(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu/Ký điện tử) – (Signature, full name, and seal/Digital signature)